TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Đức;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh Ph, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số nhà 180, tổ 2, ấp THC, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Ph, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà 108, tổ 2, ấp THC, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG.

Ông Huỳnh Thanh Ph và bà Nguyễn Ngọc Ph đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi nhận lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh Ph trình bày: Vào khoảng năm 1998, ông Ph và bà Ph do mai mối, được hai bên gia đình chấp nhận tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới, ông Ph và bà Ph chung sống với gia đình cha mẹ ruột của bà Ph tại xã VH, thị xã TC, tỉnh AG. Đến năm 2013, ông Ph sinh sống tại ấp THC, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG cho đến nay. Thời gian đầu, ông Ph và bà Ph chung sống hạnh phúc. Năm 2016,

phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, bà Ph thiếu nợ nhiều người từ đó tình cảm vợ chồng mâu thuẫn, không thể hàn gắn được và sống xa nhau cho đến nay. Ông Ph yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Ph.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Ph và bà Ph có 01 (một) con chung tên Huỳnh Nguyễn Hồng G, sinh ngày 08/12/1999 (đã trưởng thành), có khả năng lao động và đang sống với bà Ph. Do con chung đã lớn con muốn sống chung với ai thì ông Ph tùy thuộc vào ý chí của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi nhận lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Ngọc Ph trình bày: Bà Ph thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến chung sống như ông Ph trình bày. Sau lễ cưới, bà Ph và ông Ph chung sống với gia đình cha mẹ ruột của bà Ph tại xã VH, thị xã TC, tỉnh AG. Năm 2013, ông Ph sinh sống tại ấp THC, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG cho đến nay. Thời gian đầu, bà Ph và ông Ph chung sống hạnh phúc. Năm 2016, phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, bà Ph thiếu nợ nhiều người nên tình cảm vợ chồng mâu thuẫn, không thể hàn gắn được và sống xa nhau cho đến nay. Bà Ph đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Thanh Ph.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Ph và ông Ph có 01 (một) con chung tên Huỳnh Nguyễn Hồng G, sinh ngày 08/12/1999 (đã trưởng thành), có khả năng lao động và đang sống bà Ph. Bà Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, bà Ph sẽ khởi kiện ông Huỳnh Thanh Ph bằng vụ án khác.

Tòa án không tiến hành hòa giải về con chung do con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động; không hòa giải về tình cảm do ông Ph và bà Ph không đăng ký kết hôn.

- Tại phiên tòa, Ông Ph và bà Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh ngày 04/6/2019 của Uỷ ban nhân dân xã TA, thị xã TC, tỉnh AG về việc ông Ph và bà Ph không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã TC, tỉnh AG.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ông Ph và bà Ph chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, không đăng ký kết hôn. Năm 2016, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế. Quá trình chung sống, ông Ph và bà Ph không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung, cháu Huỳnh Nguyễn Hồng G, sinh ngày 08/12/1999 (đã trưởng thành và có khả năng lao động).

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Thanh Ph và bà Nguyễn Ngọc Ph là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Huỳnh Nguyễn Hồng G, sinh ngày 08/12/1999 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề cập đến.

Về án phí: Ông Huỳnh Thanh Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Ông Huỳnh Thanh Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Ph. Bà Ph có nơi cư trú: Số nhà 108, tổ 2, ấp THC, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Khoảng năm 1998, ông Ph và bà Ph do mai mối, được hai bên gia đình chấp nhận tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới, ông Ph và

bà Ph chung sống với gia đình cha mẹ ruột của bà Ph tại xã VH, thị xã TC, tỉnh AG. Năm 2013, ông Ph sinh sống tại ấp THC, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG cho đến nay. Thời gian đầu, ông Ph và bà Ph chung sống hạnh phúc. Năm 2016, phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, bà Ph thiếu nợ nhiều người từ đó tình cảm vợ chồng mâu thuẫn, không thể hàn gắn được và sống xa nhau cho đến nay. Ông Ph yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Ph và bà Ph đồng ý ly hôn với ông Ph.

Theo kết quả xác minh ngày 04/6/2019 của Uỷ ban nhân dân xã TA, thị xã TC, tỉnh AG về việc ông Ph và bà Ph không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã TC, tỉnh AG.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng*".

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Ông Ph và bà Ph chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận ông Huỳnh Thanh Ph và bà Nguyễn Ngọc Ph là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, biên bản lời khai nguyên đơn, bị đơn và tại phiên toà, ông Ph và bà Ph đồng thống nhất khai có 01 (một) con chung tên Huỳnh Nguyễn Hồng G, sinh ngày 08/12/1999 (đã trưởng thành), có khả năng lao động và hiện đang sống với bà Ph. Xét, con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: ông Ph và bà Ph đồng thống nhất khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Ph đã nộp. Bà Ph không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Thanh Ph và bà Nguyễn Ngọc Ph là vợ chồng.

Về con chung: Huỳnh Nguyễn Hồng G, sinh ngày 08/12/1999 (đã trưởng thành và có khả năng lao động).

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thanh Ph phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số TU/2017/0001839 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Ông Ph đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Ngọc Ph không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Huỳnh Thanh Ph và bà Nguyễn Ngọc Ph là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bạch Tuyết